

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
001	Nguyễn Duy Nhật Linh	30/3/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2010 - 2013	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	A 524943	Số 1175/QĐ-CDCT, ngày 09/6/2014	001	28.02.2014	
002	Nguyễn Ngọc Nương	22/10/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2010 - 2013	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	A 524944	Số 1175/QĐ-CDCT, ngày 09/6/2014	002	28.02.2014	
003	Đỗ Minh Tuấn	21/4/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2010 - 2013	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	A 524945	Số 1175/QĐ-CDCT, ngày 09/6/2014	003	28.02.2014	
004	Phạm Chí Hùng	20/10/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2009 - 2012	2014	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	TB Khá	Chính quy	A 524946	Số 1176/QĐ-CDCT, ngày 09/6/2014	004	28.02.2014	
005	Nguyễn Thuận Phong	07/11/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2009 - 2012	2014	Kiểm soát và bảo vệ môi trường	TB Khá	Chính quy	A 524947	Số 1176/QĐ-CDCT, ngày 09/6/2014	005	28.02.2014	
006	Huỳnh Thị Phương Thảo	27/12/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2009 - 2012	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	A 524948	Số 1176/QĐ-CDCT, ngày 09/6/2014	006	28.02.2014	
007	Lâm Hoàng Thương	14/10/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2008 - 2011	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	A 524949	Số 1176/QĐ-CDCT, ngày 09/6/2014	007	28.02.2014	
008	Phạm Thị Thúy	20/01/1988	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	2006 - 2009	2014	Sư phạm Mĩ thuật	TB Khá	Chính quy	A 524950	Số 1176/QĐ-CDCT, ngày 09/6/2014	008	28.02.2014	
009	Huỳnh Thị Phương Duyên	19/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524951	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	009	27.6.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
010	Lê Thị Ngọc Lan	10/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524952	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	010	27.6.2015	
011	Trần Hà Thanh Nhàn	17/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524953	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	011	27.6.2016	
012	Phan Thị Phí	17/7/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524954	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	012	27.6.2017	
013	Võ Thị Thúy Quyên	29/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Kế toán	Giỏi	Chính quy	A 524955	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	013	27.6.2018	
014	Nguyễn Thị Thùy Trang	03/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524956	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	014	27.6.2019	
015	Nguyễn Thị Thu Vui	25/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524957	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	015	27.6.2020	
016	Bùi Phương Duy	19/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Kế toán	Giỏi	Chính quy	A 524958	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	016	27.6.2021	
017	Lê Thị Hồng Hân	14/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524959	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	017	27.6.2022	
018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	17/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524960	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	018	27.6.2023	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
019	Lê Thị Huỳnh Nhur	16/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Kế toán	Giỏi	Chính quy	A 524961	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	019	27.6.2024	
020	Trần Thị Tú Nương	15/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524962	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	020	27.6.2025	
021	Nguyễn Diệu Quí	20/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Giỏi	Chính quy	A 524963	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	021	27.6.2026	
022	Nguyễn Bích Thảo	19/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	TP Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524964	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	022	27.6.2027	
023	Mai Trâm	04/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524965	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	023	27.6.2028	
024	Tô Linh Trang	19/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524966	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	024	27.6.2029	
025	Lê Thị Thùy Trang	29/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524967	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	025	27.6.2030	
026	Nguyễn Thị Cẩm Tú	12/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	A 524968	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	026	27.6.2031	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
027	Đoàn Thị Thanh Tuyền	/12/19	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Giỏi	Chính quy	A 524969	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	027	27.6.2032	
028	Trần Thị Hồng Xuyên	29/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Kế toán	Giỏi	Chính quy	A 524970	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	028	27.6.2033	
029	Bùi Thị Diễm Lan	08/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Giỏi	Chính quy	A 524971	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	029	27.6.2034	
030	Nguyễn Thị Kiều Ngân	01/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524972	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	030	27.6.2035	
031	Nguyễn Như Ngọc	11/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524973	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	031	27.6.2036	
032	Mai Thị Ngọc Sum	26/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524974	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	032	27.6.2037	
033	Trần Thị Thiên Trang	10/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524975	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	033	27.6.2038	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
034	Lê Thị Hồng Ánh	01/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524976	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	034	27.6.2039	
035	Dương Thị Xuân Huê	02/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524977	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	035	27.6.2040	
036	Ngô Trần Yên Khang	6/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Giỏi	Chính quy	A 524978	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	036	27.6.2041	
037	Nguyễn Thị Yến Loan	09/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524979	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	037	27.6.2042	
038	Trương Tiểu My	5/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524980	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	038	27.6.2043	
039	Phan Thị Nhung	19/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Giỏi	Chính quy	A 524981	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	039	27.6.2044	
040	Bùi Duy Tân	11/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524982	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	040	27.6.2045	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
041	Huỳnh Thị Thanh Thoại	08/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524983	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	041	27.6.2046	
042	Huỳnh Thanh Tiền	06/01/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524984	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	042	27.6.2047	
043	Huỳnh Phát Toàn	07/8/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	A 524985	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	043	27.6.2048	
044	Dương Nguyễn Thúy An	22/10/1992	Nữ	Hoa	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	A 524986	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	044	27.6.2049	
045	Trần Thị Ngọc Hân	30/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	A 524987	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	045	27.6.2050	
046	Trần Quốc An	15/03/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Giỏi	Chính quy	A 524988	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	046	27.6.2051	
047	Nguyễn Thị Diễm My	01/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	A 524989	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	047	27.6.2052	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
048	Trần Thị Thảo	1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Giỏi	Chính quy	A 524990	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	048	27.6.2053	
049	Huỳnh Quang Trung	22/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	A 524991	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	049	27.6.2054	
050	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	08/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	A 524992	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	050	27.6.2055	
051	Lê Thị Như Ý	15/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	A 524993	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	051	27.6.2056	
052	Nguyễn Ngọc Nguyên	04/6/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Giỏi	Chính quy	A 524994	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	052	27.6.2057	
053	Phạm Minh Thanh	27/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Giỏi	Chính quy	A 524995	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	053	27.6.2058	
054	Tô Minh Anh Thư	26/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Giỏi	Chính quy	A 524996	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	054	27.6.2059	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
055	Đào Kim Ai	20/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Giỏi	Chính quy	A 524997	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	055	27.6.2060	
056	Lê Nhật Anh	26/8/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Giỏi	Chính quy	A 524998	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	056	27.6.2061	
057	Lê Thị Chợ	16/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Giỏi	Chính quy	A 524999	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	057	27.6.2062	
058	Trần Minh Đạt	1/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Giỏi	Chính quy	A 525000	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	058	27.6.2063	
059	Lê Thu Hà	1/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 94813	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	059	27.6.2064	
060	Nguyễn Thành Long	4/12/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 94814	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	060	27.6.2065	
061	Lê Phan Nguyệt Minh	8/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 94815	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	061	27.6.2066	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
062	Lê Trọng Nghĩa	27/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 94816	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	062	27.6.2067	
063	Nguyễn Trường Phương	27/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 94817	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	063	27.6.2068	
064	Nguyễn Hồ Mỹ Quyên	17/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 94818	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	064	27.6.2069	
065	Trần Thị Phương Quyên	9/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Minh Hải	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Giỏi	Chính quy	B 94819	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	065	27.6.2070	
066	Lâm My Sa	22/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 94820	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	066	27.6.2071	
067	Huỳnh Thị Hồng Thủy	4/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Giỏi	Chính quy	B 94821	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	067	27.6.2072	
068	Nguyễn Việt Tiến	18/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Giỏi	Chính quy	B 94822	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	068	27.6.2073	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
069	Trần Hồng Cầm	22/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Giỏi	Chính quy	B 94823	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	069	27.6.2074	
070	Trần Thị Mỹ Châu	5/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94824	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	070	27.6.2075	
071	Nguyễn Thị Thu Cúc	22/04/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Giỏi	Chính quy	B 94825	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	071	27.6.2076	
072	Nguyễn Ngọc Diễm	01/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94826	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	072	27.6.2077	
073	Trần Thị Ngọc Hân	20/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94827	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	073	27.6.2078	
074	Thạch Thị Mai Lan	03/3/1992	Nữ	Khmer	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94828	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	074	27.6.2079	
075	Trương Thảo Linh	22/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Giỏi	Chính quy	B 94829	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	075	27.6.2080	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
076	Nguyễn Thị Thu Loan	10/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Giỏi	Chính quy	B 94830	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	076	27.6.2081	
077	Huỳnh Hà Tố Mỹ	30/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Giỏi	Chính quy	B 94831	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	077	27.6.2082	
078	Lâm Ái Mỹ	02/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Giỏi	Chính quy	B 94832	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	078	27.6.2083	
079	Đỗ Thị Thu Ngân	18/03/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94833	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	079	27.6.2084	
080	Nguyễn Hoài Ngôi	20/06/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Giỏi	Chính quy	B 94834	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	080	27.6.2085	
081	Lê Thị Bích Phượng	01/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94835	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	081	27.6.2086	
082	Ngô Thị Ngọc Thanh	11/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94836	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	082	27.6.2087	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
083	Võ Thị Thanh Thúy	08/9/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94837	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	083	27.6.2088	
084	Nguyễn Thị Kiều Trang	02/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94838	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	084	27.6.2089	
085	Mã Tú Trinh	26/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94839	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	085	27.6.2090	
086	Nguyễn Thị Thu Trúc	04/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94840	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	086	27.6.2091	
087	Trần Ngọc Như Ý	03/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94841	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	087	27.6.2092	
088	Lê Phan Chiêu Anh	09/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94842	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	088	27.6.2093	
089	Nguyễn Thị Phương Anh	08/3/1989	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Giỏi	Chính quy	B 94843	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	089	27.6.2094	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
090	Võ Thị Ngọc Diễm	08/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94844	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	090	27.6.2095	
091	Phan Thanh Diễn	30/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94845	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	091	27.6.2096	
092	Bùi Hồng Khánh	14/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94846	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	092	27.6.2097	
093	Phan Thị Là	05/9/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94847	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	093	27.6.2098	
094	Đinh Thị Mộng Mơ	14/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94848	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	094	27.6.2099	
095	Đào Nguyễn Bảo Ngân	13/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94849	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	095	27.6.2100	
096	Nguyễn Thảo Nguyên	08/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94850	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	096	27.6.2101	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
097	Dương Thị Ngọc Nhân	03/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94851	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	097	27.6.2102	
098	Trương Lê Quỳnh Nhu	22/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94852	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	098	27.6.2103	
099	Lê Thị Hồng Nhung	03/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94853	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	099	27.6.2104	
100	Nguyễn Thị Bích Phượng	01/1/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94854	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	100	27.6.2105	
101	Nguyễn Kiều Trâm	25/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94855	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	101	27.6.2106	
102	Đinh Thị Huyền Trân	20/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94856	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	102	27.6.2107	
103	Nguyễn Hạnh Trang	15/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94857	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	103	27.6.2108	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
104	Trần Thị Truyền	1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94858	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	104	27.6.2109	
105	Lê Thị Cẩm Tú	22/2/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94859	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	105	27.6.2110	
106	Nguyễn Thị Mỹ Tuyên	25/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94860	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	106	27.6.2111	
107	Nguyễn Ngọc Ý	27/11/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94861	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	107	27.6.2112	
108	Nguyễn Thị Hải Yến	29/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Giỏi	Chính quy	B 94862	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	108	27.6.2113	
109	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	9/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 94863	Số 1382/QĐ-CDCT, ngày 08/7/2014	109	27.6.2114	
110	Võ Thị Thúy An	22/5/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94864	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	110	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
111	Dương Thị Mỹ An	06/7/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94865	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	111	19.7.2014	
112	Hồ Nhựt Bằng	1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94866	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	112	19.7.2014	
113	Lê Thị Chi	08/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94867	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	113	19.7.2014	
114	Ngô Hồng Diễm	02/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94868	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	114	19.7.2014	
115	Quách Huỳnh Kim Dung	29/12/1993	Nữ	Hoa	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94869	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	115	19.7.2014	
116	Lâm Thị Hoàng Dung	30/4/1993	Nữ	Khome	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94870	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	116	19.7.2014	
117	Trần Thanh Duy	05/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94871	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	117	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
118	Nguyễn Thị Đào	30/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94872	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	118	19.7.2014	
119	Ngô Thị Kiều Hạnh	26/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94873	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	119	19.7.2014	
120	Vũ Thị Kim Hoa	20/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94874	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	120	19.7.2014	
121	Lý Huỳnh Hoa	12/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94875	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	121	19.7.2014	
122	Võ Chiêu Hương	1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94876	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	122	19.7.2014	
123	Nguyễn Hoàng Kiệt	04/3/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94877	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	123	19.7.2014	
124	Nguyễn Thị Mộng Kiều	10/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94878	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	124	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
125	Đoàn Trang Thùy Linh	20/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94879	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	125	19.7.2014	
126	Lê Thị Mè	20/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94880	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	126	19.7.2014	
127	Nguyễn Thị Kim Ngân	20/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94881	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	127	19.7.2014	
128	Huỳnh Đại Nghĩa	12/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94882	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	128	19.7.2014	
129	Lâm Hoài Nhân	14/8/1992	Nam	Hoa	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94883	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	129	19.7.2014	
130	Giang Hoàng Nhân	11/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94884	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	130	19.7.2014	
131	Huỳnh Yến Nhi	15/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94885	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	131	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
132	Nguyễn Thị Huỳnh Như	22/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94886	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	132	19.7.2014	
133	Trần Thị Hồng Ny	20/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94887	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	133	19.7.2014	
134	Võ Thị Mỹ Phúc	23/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94888	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	134	19.7.2014	
135	Nguyễn Giàu Sang	27/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94889	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	135	19.7.2014	
136	Liên Quốc Thắng	18/9/1993	Nam	Hoa	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94890	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	136	19.7.2014	
137	Nguyễn Đức Thịnh	29/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94891	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	137	19.7.2014	
138	Nguyễn Thị Hoài Thu	19/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94892	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	138	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
139	Trần Thị Thanh Thủy	06/9/1992	Nữ	Hoa	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94893	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	139	19.7.2014	
140	Vương Minh Thy	17/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94894	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	140	19.7.2014	
141	Phạm Hữu Tĩnh	13/3/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94895	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	141	19.7.2014	
142	Vương Châu Toàn	09/3/1993	Nam	Hoa	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94896	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	142	19.7.2014	
143	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	25/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94897	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	143	19.7.2014	
144	Đỗ Thiên Trang	18/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94898	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	144	19.7.2014	
145	Lý Thúy Trinh	02/9/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94899	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	145	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
146	Phan Thị Cẩm Tú	25/9/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94900	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	146	19.7.2014	
147	Nguyễn Lê Anh Tuấn	24/01/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94901	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	147	19.7.2014	
148	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	23/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94902	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	148	19.7.2014	
149	Nguyễn Thảo Vân	02/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94903	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	149	19.7.2014	
150	Vũ Thị Mai Xuân	08/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94904	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	150	19.7.2014	
151	Nguyễn Thị Ngọc Yên	08/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94905	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	151	19.7.2014	
152	Nguyễn Thị Huyền Anh	12/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94906	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	152	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
153	Phạm Mỹ Bình	18/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94907	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	153	19.7.2014	
154	Phạm Thị Kiều Dinh Mộng	05/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94908	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	154	19.7.2014	
155	Cao Thúy Duy	28/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94909	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	155	19.7.2014	
156	Nguyễn Thùy Duyên	29/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94910	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	156	19.7.2014	
157	Danh Thị Thanh Hà	06/3/1992	Nữ	Khome	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94911	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	157	19.7.2014	
158	Trần Trung Hiếu	20/02/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94912	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	158	19.7.2014	
159	Thái Ngọc Tuyết Huyền	29/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94913	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	159	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
160	Huỳnh Ngọc Huyền	16/3/1988	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94914	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	160	19.7.2014	
161	Bùi Thị Ngọc Liên	07/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94915	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	161	19.7.2014	
162	Võ Hồng Lĩnh	01/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94916	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	162	19.7.2014	
163	Trương Anh Lực	1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94917	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	163	19.7.2014	
164	Nguyễn Thị Luyến	1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94918	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	164	19.7.2014	
165	Bùi Trúc Ly	10/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94919	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	165	19.7.2014	
166	Nguyễn Thị Ái Ngân	18/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94920	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	166	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
167	Huỳnh Như Ngọc	30/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94921	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	167	19.7.2014	
168	Nguyễn Diễm Phương	23/02/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94922	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	168	19.7.2014	
169	Huỳnh Ngọc Quý	20/8/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94923	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	169	19.7.2014	
170	Võ Thị Như Quỳnh	03/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94924	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	170	19.7.2014	
171	Nguyễn Văn Sang	28/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94925	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	171	19.7.2014	
172	Nguyễn Tấn Sang	01/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94926	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	172	19.7.2014	
173	Hoàng Nguyên Thảo	18/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94927	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	173	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
174	Huỳnh Ái Thương	08/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94928	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	174	19.7.2014	
175	Trần Thị Mỹ Tiên	18/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94929	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	175	19.7.2014	
176	Hồ Ngọc Trâm	22/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Giỏi	Chính quy	B 94930	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	176	19.7.2014	
177	Lê Trần Thu Trang	21/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94931	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	177	19.7.2014	
178	Lâm Thanh Trúc	19/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94932	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	178	19.7.2014	
179	Trần Thị Thu Tư	04/12/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94933	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	179	19.7.2014	
180	Nguyễn Quốc Vinh	1992	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94934	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	180	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
181	Lý Hồ Ngọc Yến	11/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94935	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	181	19.7.2014	
182	Hồ Văn Hậu	17/5/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94936	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	182	19.7.2014	
183	Nguyễn Chi Liên	01/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94937	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	183	19.7.2014	
184	Phạm Hoàng Mạnh	20/02/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94938	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	184	19.7.2014	
185	Phan Đỗ Thiện Ngôn	05/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94939	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	185	19.7.2014	
186	Huỳnh Phương Tùng	25/5/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94940	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	186	19.7.2014	
187	Nguyễn Ngọc Bảo	1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94941	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	187	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
188	Nguyễn Văn Đầy	15/5/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94942	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	188	19.7.2014	
189	Mai Hữu Vinh	13/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tài chính ngân hàng	Khá	Chính quy	B 94943	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	189	19.7.2014	
190	Nguyễn Võ Quốc Vương	25/9/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2010 - 2013	2014	Tài chính ngân hàng	Trung bình	Chính quy	B 94944	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	190	19.7.2014	
191	Lê Ái Di	04/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94945	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	191	19.7.2014	
192	Dương Thị Diễm	24/11/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94946	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	192	19.7.2014	
193	Nguyễn Văn Duy	03/7/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94947	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	193	19.7.2014	
194	Phạm Trần Xuân Đào	02/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94948	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	194	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
195	Nguyễn Thị Cẩm Giang	24/12/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94949	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	195	19.7.2014	
196	Nguyễn Thị Kim Hằng	17/9/1992	Nữ	kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94950	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	196	19.7.2014	
197	Nguyễn Ngọc Hằng	02/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94951	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	197	19.7.2014	
198	Huỳnh Thúy Huỳnh	24/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94952	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	198	19.7.2014	
199	Nguyễn Thị Ngọc Lan	09/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94953	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	199	19.7.2014	
200	Nguyễn Phương Linh	20/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94954	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	200	19.7.2014	
201	Đỗ Thị Trúc Ly	25/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94955	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	201	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
202	Võ Thị Lý	08/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94956	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	202	19.7.2014	
203	Nguyễn Thị Muội	12/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94957	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	203	19.7.2014	
204	Trương Thị Kim Ngân	16/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94958	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	204	19.7.2014	
205	Nguyễn Thị Tuyết Nghi	20/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94959	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	205	19.7.2014	
206	Trương Thị Nghĩa	19/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94960	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	206	19.7.2014	
207	Huỳnh Thị Nho	01/01/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94961	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	207	19.7.2014	
208	Thái Thị Nhung	24/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94962	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	208	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
209	Nguyễn Thị Tuyết Phương	01/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94963	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	209	19.7.2014	
210	Phạm Thu Thảo	03/01/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94964	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	210	19.7.2014	
211	Lê Trung Thảo	01/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94965	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	211	19.7.2014	
212	Võ Thị Như Thảo	21/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94966	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	212	19.7.2014	
213	Võ Thị Minh Thùy	15/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94967	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	213	19.7.2014	
214	Lê Thị Cẩm Tiên	09/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94968	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	214	19.7.2014	
215	Huỳnh Mỹ Tiên	02/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94969	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	215	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
216	Nguyễn Thị Quế Trân	25/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94970	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	216	19.7.2014	
217	Nguyễn Thị Thanh Trang	14/6/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94971	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	217	19.7.2014	
218	Lê Thị Bảo Trang	23/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94972	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	218	19.7.2014	
219	Huỳnh Thị Mộng Tuyền	04/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94973	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	219	19.7.2014	
220	Đinh Thị Thùy Vân	17/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94974	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	220	19.7.2014	
221	Bùi Tuấn Cường	1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94975	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	221	19.7.2014	
222	Trần Ngọc Diệu	25/09/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94976	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	222	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
223	Tăng Quốc Đoàn	01/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94977	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	223	19.7.2014	
224	Lê Thúy Hằng	27/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94978	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	224	19.7.2014	
225	Nguyễn Thị Diễm Hương	03/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94979	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	225	19.7.2014	
226	Hồ Thị Phụng Liên	26/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94980	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	226	19.7.2014	
227	Nguyễn Thị Nhựt Linh	20/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94981	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	227	19.7.2014	
228	Huỳnh Nhật Minh	20/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94982	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	228	19.7.2014	
229	Nguyễn Diễm My	05/02/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94983	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	229	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
230	Huỳnh Hà Ngân	11/6/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94984	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	230	19.7.2014	
231	Trương Thị Thúy Ngân	27/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94985	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	231	19.7.2014	
232	Phạm Thị Kiều Nhi	19/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94986	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	232	19.7.2014	
233	Nguyễn Thị Hồng Nhung	17/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94987	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	233	19.7.2014	
234	Phan Đoàn Vĩnh Phát	30/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94988	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	234	19.7.2014	
235	Phan Thanh Sang	14/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94989	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	235	19.7.2014	
236	Trần Thị Thảo	10/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Giỏi	Chính quy	B 94990	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	236	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
237	Nguyễn Thị Kim Thảo	16/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94991	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	237	19.7.2014	
238	Trần Thị Lệ Thi	22/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94992	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	238	19.7.2014	
239	Lý Kim Thoa	01/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94993	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	239	19.7.2014	
240	Phạm Thị Huỳnh Thư	21/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94994	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	240	19.7.2014	
241	Đặng Thị Bích Thủy	25/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94995	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	241	19.7.2014	
242	Trần Thị Mỹ Tiên	01/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94996	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	242	19.7.2014	
243	Trương Phước Toàn	26/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94997	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	243	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
244	Lê Thị Thùy Trang	05/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 94998	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	244	19.7.2014	
245	Trần Thuận Ý	07/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 94999	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	245	19.7.2014	
246	Nguyễn Thụy Vân Anh	24/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95000	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	246	19.7.2014	
247	Nguyễn Thanh Bình	29/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 95001	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	247	19.7.2014	
248	Lê Ngọc Diễm	27/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95002	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	248	19.7.2014	
249	Thái Hoàng Dũng	23/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95003	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	249	19.7.2014	
250	Trương Hoàng Dương	20/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95004	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	250	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
251	Nguyễn Thị Hồng Gấm	24/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vinh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95005	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	251	19.7.2014	
252	Võ Kim Hòa	22/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95006	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	252	19.7.2014	
253	Nguyễn Duy Khánh	30/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 95007	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	253	19.7.2014	
254	Lê Chí Nguyễn	24/3/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95008	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	254	19.7.2014	
255	Trần Kim Nhi	06/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95009	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	255	19.7.2014	
256	Huỳnh Như	15/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 95010	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	256	19.7.2014	
257	Đặng Minh Nhật	25/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vinh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95011	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	257	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
258	Trần Minh Duy Quang	12/02/1993	Nam	kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 95012	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	258	19.7.2014	
259	Lý Quan Sang	13/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ.	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268497	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	259	19.7.2014	
260	Nguyễn Thanh Thảo	20/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268498	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	260	19.7.2014	
261	Nguyễn Thị Thu Thủy	04/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268499	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	261	19.7.2014	
262	Trần Thị Minh Thùy	12/3/1992	Nữ	Khormer	Việt Nam	vĩnh long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 268500	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	262	19.7.2014	
263	Ngô Bích Trân	16/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268501	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	263	19.7.2014	
264	Đồng Văn Viên	24/11/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268502	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	264	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
265	Trần Vĩnh	09/4/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268503	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	265	19.7.2014	
266	Trần Thị Bảo Anh	14/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268504	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	266	19.7.2014	
267	Dư Huỳnh Châu	17/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268505	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	267	19.7.2014	
268	Thạch Diệp	09/6/1993	Nam	Khmer	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268506	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	268	19.7.2014	
269	Nguyễn Hoàng Khánh	27/02/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 268507	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	269	19.7.2014	
270	Tăng Trường Lâm	24/9/1993	Nam	Khmer	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268508	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	270	19.7.2014	
271	Lý Vũ Linh	1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268509	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	271	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
272	Huỳnh Trần Chí Minh	24/10/1993	Nam	Hoa	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268510	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	272	19.7.2014	
273	Lê Thị Ngọc Ngân	19/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268511	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	273	19.7.2014	
274	Ngô Thanh Nhã	30/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 268512	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	274	19.7.2014	
275	Nguyễn Yến Nhi	02/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 268513	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	275	19.7.2014	
276	Đỗ Minh Nhuận	26/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268514	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	276	19.7.2014	
277	Trần Thị Bích Phượng	20/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268515	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	277	19.7.2014	
278	Hữu Minh Tếp	06/12/1992	Nam	Khmer	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 268516	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	278	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
279	Trần Trường Thụ	09/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268517	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	279	19.7.2014	
280	Văn Minh Tiến	24/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268518	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	280	19.7.2014	
281	Nguyễn Trung Tín	08/6/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268519	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	281	19.7.2014	
282	Nguyễn Hoàng Tú	08/4/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Trung bình	Chính quy	B 268520	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	282	19.7.2014	
283	Đỗ Thanh Tùng	07/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 268521	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	283	19.7.2014	
284	Lê Diệu An	09/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268522	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	284	19.7.2014	
285	Ngô Thị Mỹ Chi	1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268523	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	285	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
286	Nguyễn Thị Thùy Duyên	13/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268524	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	286	19.7.2014	
287	Lâm Ngọc Hồng Đào	12/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268525	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	287	19.7.2014	
288	Đặng Thị Huỳnh Giao	25/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268526	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	288	19.7.2014	
289	Nguyễn Thị Khánh Hà	26/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268527	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	289	19.7.2014	
290	Nguyễn Văn Hà	07/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268528	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	290	19.7.2014	
291	Đinh Thị Hạnh	02/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268529	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	291	19.7.2014	
292	Trần Mỹ Hảo	13/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268530	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	292	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
293	Nguyễn Đăng Thanh Hiễn	01/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268531	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	293	19.7.2014	
294	Bùi Thị Huệ	15/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268532	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	294	19.7.2014	
295	Nguyễn Thu Hương	25/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268533	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	295	19.7.2014	
296	Phan Văn Kháng	01/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268534	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	296	19.7.2014	
297	Hứa Tuyết Lan	22/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268535	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	297	19.7.2014	
298	Trần Thị Lệ	24/5/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268536	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	298	19.7.2014	
299	Đặng Thị Bích Liên	11/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268537	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	299	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
300	Đinh Thị Trúc Ly	15/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268538	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	300	19.7.2014	
301	Nguyễn Cao Mỹ	02/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268539	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	301	19.7.2014	
302	Mai Thị Tuyết Ngân	26/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268540	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	302	19.7.2014	
303	Đặng Anh Nhật	18/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268541	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	303	19.7.2014	
304	Trần Yến Nhi	04/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Giỏi	Chính quy	B 268542	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	304	19.7.2014	
305	Lữ Tuyết Phương	05/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Giỏi	Chính quy	B 268543	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	305	19.7.2014	
306	Đỗ Thanh Quý	01/02/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268544	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	306	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
307	Huỳnh Thị Siển	09/9/1993	Nữ	Khmer	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268545	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	307	19.7.2014	
308	Võ Văn Thắng	16/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268546	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	308	19.7.2014	
309	Lê Thanh Thảo	10/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268547	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	309	19.7.2014	
310	Lưu Thị Thêu	03/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268548	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	310	19.7.2014	
311	Nguyễn Phương Thúy	14/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268549	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	311	19.7.2014	
312	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	11/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268550	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	312	19.7.2014	
313	Võ Huỳnh Tiên	22/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268551	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	313	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
314	Phạm Hồng Tơ	24/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268552	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	314	19.7.2014	
315	Nguyễn Thị Hiền Trâm	17/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268553	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	315	19.7.2014	
316	Trần Thị Trang	11/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268554	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	316	19.7.2014	
317	Bùi Ngọc Tuyết	04/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Giỏi	Chính quy	B 268555	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	317	19.7.2014	
318	Danh Ngọc Xuân	23/01/1993	Nữ	Khmer	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268556	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	318	19.7.2014	
319	Võ Thị Như Ý	24/05/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268557	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	319	19.7.2014	
320	Mai Ngọc Ánh	29/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268558	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	320	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
321	Trần Thị Kim Cương	02/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268559	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	321	19.7.2014	
322	Trương Thị Trúc Diễm	1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268560	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	322	19.7.2014	
323	Hồ Thị Hạnh Dung	05/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268561	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	323	19.7.2014	
324	Đỗ Phương Dung	18/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268562	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	324	19.7.2014	
325	Trần Thị Thúy Duy	01/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268563	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	325	19.7.2014	
326	Trần Thị Duy	11/10/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268564	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	326	19.7.2014	
327	Nguyễn Thị Bích Hòa	29/7/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268565	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	327	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
328	Nguyễn Thị Hồng	24/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268566	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	328	19.7.2014	
329	Nguyễn Thị Luyến	17/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268567	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	329	19.7.2014	
330	Trần Thị Lý	27/9/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268568	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	330	19.7.2014	
331	Nguyễn Thị Diễm Mi	14/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268569	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	331	19.7.2014	
332	Huỳnh Thị Ngọc Nga	18/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268570	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	332	19.7.2014	
333	Huỳnh Yến Nhi	10/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268571	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	333	19.7.2014	
334	Mã Yến Nhi	23/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268572	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	334	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
335	Lê Thị Tố Như	29/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268573	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	335	19.7.2014	
336	Lê Thị Huỳnh Như	05/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268574	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	336	19.7.2014	
337	Đặng Thúy Nhung	1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268575	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	337	19.7.2014	
338	Mai Ngọc Nữ	11/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268576	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	338	19.7.2014	
339	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	26/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268577	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	339	19.7.2014	
340	Phạm Như Quỳnh	19/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	TP Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268578	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	340	19.7.2014	
341	Trần Kim Thanh	01/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268579	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	341	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
342	Nguyễn Thị Thu Thảo	24/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268580	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	342	19.7.2014	
343	Nguyễn Kim Thùy	25/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268581	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	343	19.7.2014	
344	Trần Phạm Như Thùy	28/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268582	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	344	19.7.2014	
345	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	03/02/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268583	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	345	19.7.2014	
346	Đổng Thị Cẩm Tiên	28/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268584	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	346	19.7.2014	
347	Nguyễn Thùy Trang	15/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268585	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	347	19.7.2014	
348	Nguyễn Thanh Trúc	21/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268586	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	348	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
349	Võ Thị Bích Tuyền	07/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268587	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	349	19.7.2014	
350	Hồ Thị Kim Tuyết	29/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268588	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	350	19.7.2014	
351	Nguyễn Thị Như Yến	31/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268589	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	351	19.7.2014	
352	Vũ Kim Anh	18/01/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268590	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	352	19.7.2014	
353	Nguyễn Thành Công	10/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268591	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	353	19.7.2014	
354	Lê Văn Dũng	1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268592	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	354	19.7.2014	
355	Trần Cẩm Giang	08/9/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268593	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	355	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
356	Trần Xuân Nhàn	20/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268594	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	356	19.7.2014	
357	Trần Thị Ngọc Như	28/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268595	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	357	19.7.2014	
358	Võ Thị Huỳnh Như	18/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268596	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	358	19.7.2014	
359	Phan Thị Hoàng Oanh	12/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268597	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	359	19.7.2014	
360	Nguyễn Long Hải Quân	30/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268598	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	360	19.7.2014	
361	Võ Lê Kim Thảo	14/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268599	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	361	19.7.2014	
362	Lê Công Thưởng	29/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268600	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	362	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
363	Trần Thị Thu Thủy	22/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268601	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	363	19.7.2014	
364	Đặng Thu Trang	30/12/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268602	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	364	19.7.2014	
365	Bùi Thị Trang	18/6/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268603	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	365	19.7.2014	
366	Đặng Thành Trung	16/9/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268604	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	366	19.7.2014	
367	Bùi Văn Trường	19/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268605	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	367	19.7.2014	
368	Đoàn Thị Thanh Tuyền	23/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268606	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	368	19.7.2014	
369	Nguyễn Thúy Uyển	13/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268607	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	369	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
370	Bùi Văn Vũ	09/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268608	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	370	19.7.2014	
371	Trần Thị Kim Chi	06/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268609	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	371	19.7.2014	
372	Nguyễn Thị Hồng Đào	01/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	TP Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268610	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	372	19.7.2014	
373	Đặng Thị Thùy Linh	06/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268611	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	373	19.7.2014	
374	Nguyễn Thị Thanh Lý	25/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268612	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	374	19.7.2014	
375	Lê So Pha	28/02/1993	Nữ	Khome	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268613	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	375	19.7.2014	
376	Giang Sô Phol	12/12/1992	Nam	Khome	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268614	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	376	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
377	Phan Kim Phụng	26/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268615	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	377	19.7.2014	
378	Quách Quang Sang	12/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268616	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	378	19.7.2014	
379	Hồ Minh Sang	27/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268617	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	379	19.7.2014	
380	Trịnh Hữu Tài	13/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268618	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	380	19.7.2014	
381	Võ Văn Thà	12/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268619	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	381	19.7.2014	
382	Lê Hoàng Thuận	06/12/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268620	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	382	19.7.2014	
383	Trần Thị Kim Tiến	22/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268621	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	383	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
384	Nguyễn Thị Thanh Thủy Tiên	21/9/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268622	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	384	19.7.2014	
385	Nguyễn Thị Hồng Vân	22/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268623	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	385	19.7.2014	
386	Võ Thị Thu Vân	19/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268624	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	386	19.7.2014	
387	Thái Kim Xuyến	26/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268625	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	387	19.7.2014	
388	Nguyễn Như Ý	22/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Kế toán	Trung bình	Chính quy	B 268626	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	388	19.7.2014	
389	Lữ Kiều Duyên	1989	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2009 - 2012	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 268627	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	389	19.7.2014	
390	Nguyễn Thúy An	05/3/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268628	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	390	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
391	Võ Thùy An	19/8/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268629	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	391	19.7.2014	
392	Chu Vũ Thúy Anh	14/8/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268630	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	392	19.7.2014	
393	Lê Thị Nhựt Anh	28/02/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268631	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	393	19.7.2014	
394	Nguyễn Thị Vân Anh	24/10/1989	Nữ	Kinh	Việt Nam	TP.H CM	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268632	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	394	19.7.2014	
395	Phan Vân Anh	06/5/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268633	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	395	19.7.2014	
396	Lê Hải Âu	09/10/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268634	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	396	19.7.2014	
397	Ngô Trần Thanh Chúc	15/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268635	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	397	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
398	Hà Kiều Diễm	15/12/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268636	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	398	19.7.2014	
399	Huỳnh Kiều Diễm	07/10/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268637	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	399	19.7.2014	
400	Phạm Thị Dừng	28/6/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268638	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	400	19.7.2014	
401	Hồ Phạm Anh Duy	05/8/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268639	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	401	19.7.2014	
402	Nguyễn Phước Đạt	19/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268640	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	402	19.7.2014	
403	Diệp Trường Giang	24/3/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268641	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	403	19.7.2014	
404	Huỳnh Thị Ngọc Hân	06/12/1986	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268642	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	404	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
405	Đặng Thanh Hằng	11/10/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268643	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	405	19.7.2014	
406	Nguyễn Thị Ánh Hồng	1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268644	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	406	19.7.2014	
407	Phạm Thị Mỹ Hồng	26/8/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268645	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	407	19.7.2014	
408	Lê Thị Phương Huệ	1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268646	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	408	19.7.2014	
409	Lý Tấn Huệ	24/4/1992	Nam	Hoa	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268647	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	409	19.7.2014	
410	Lâm Duy Kha	16/11/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268648	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	410	19.7.2014	
411	Đào Thị Trúc Lâm	21/3/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268649	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	411	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
412	Nguyễn Thị Quế Lan	27/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268650	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	412	19.7.2014	
413	Trần Thị Thùy Linh	11/02/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268651	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	413	19.7.2014	
414	Lê Thị Thanh Loan	23/3/1988	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268652	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	414	19.7.2014	
415	Trương Thị Tuyết Mai	24/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268653	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	415	19.7.2014	
416	Trần Kim Mè	19/10/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268654	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	416	19.7.2014	
417	Nguyễn Thị Muội	20/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268655	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	417	19.7.2014	
418	Võ Hoàng Nam	10/5/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268656	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	418	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
419	Phan Thị Kim Ngân	06/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268657	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	419	19.7.2014	
420	Nguyễn Thị Mộng Nghi	10/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268658	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	420	19.7.2014	
421	Nguyễn Kim Ngọc	18/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268659	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	421	19.7.2014	
422	Trần Thị Như Ngọc	19/8/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268660	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	422	19.7.2014	
423	Huỳnh Hà Cẩm Nhung	20/11/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268661	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	423	19.7.2014	
424	Đỗ Thị Kiều Oanh	03/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268662	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	424	19.7.2014	
425	Nguyễn Hoàng Oanh	05/7/1989	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268663	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	425	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
426	Lê Huệ Phương	25/10/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268664	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	426	19.7.2014	
427	Lê Thị Ái Quyên	16/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268665	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	427	19.7.2014	
428	Nguyễn Minh Phương Quyên	10/7/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268666	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	428	19.7.2014	
429	Nguyễn Minh Tâm	03/02/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268667	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	429	19.7.2014	
430	Nguyễn Hồng Thắm	09/10/1988	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268668	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	430	19.7.2014	
431	Lê Thị Phương Thảo	21/12/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268669	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	431	19.7.2014	
432	Nguyễn Minh Thiện	18/4/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cửu Long	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268670	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	432	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
433	Nguyễn Thị Hồng Thơ	05/02/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268671	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	433	19.7.2014	
434	Lê Ngọc Thoa	14/9/1989	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cửu Long	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268672	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	434	19.7.2014	
435	Nguyễn Thị Kim Thủy	23/8/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268673	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	435	19.7.2014	
436	Lê Thị Cẩm Tiên	26/3/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Xuất sắc	Chính quy	B 268674	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	436	19.7.2014	
437	Trương Thị Mỹ Tiên	14/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268675	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	437	19.7.2014	
438	Nguyễn Thị Thu Trang	09/01/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268676	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	438	19.7.2014	
439	Phạm Thị Kim Tuyền	19/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268677	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	439	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
440	Thái Thanh Tuyền	20/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268678	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	440	19.7.2014	
441	Trần Huỳnh Tỷ	18/10/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268679	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	441	19.7.2014	
442	Nguyễn Thị Út	16/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268680	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	442	19.7.2014	
443	Trần Thị Tường Vi	30/7/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268681	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	443	19.7.2014	
444	Hồ Văn Vũ	1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268682	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	444	19.7.2014	
445	Bùi Thị Khánh Vy	20/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268683	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	445	19.7.2014	
446	Lưu Hoàng Yến	14/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268684	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	446	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
447	Nguyễn Thị Yến	10/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268685	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	447	19.7.2014	
448	Nguyễn Thị Linh Chi	05/8/1989	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268686	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	448	19.7.2014	
449	Vũ Minh Công	02/9/1988	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268687	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	449	19.7.2014	
450	Lê Thị Hồng Cúc	05/11/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268688	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	450	19.7.2014	
451	Nguyễn Hải Đăng	01/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268689	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	451	19.7.2014	
452	Ngô Thị Ngọc Hân	30/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268690	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	452	19.7.2014	
453	Bùi Đức Hưng	08/11/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268691	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	453	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
454	Đoàn Thị Mẫn Hương	01/4/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268692	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	454	19.7.2014	
455	Hồ Thị Phương Lê	08/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268693	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	455	19.7.2014	
456	Lê Thị Kim Liên	26/11/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268694	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	456	19.7.2014	
457	Trần Thị Liên	29/7/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268695	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	457	19.7.2014	
458	Dương Thị My Loan	10/5/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268696	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	458	19.7.2014	
459	Nguyễn Thị Mai Loan	20/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268697	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	459	19.7.2014	
460	Giảng Thị Lól	26/4/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268698	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	460	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
461	Nguyễn Thị Bé Mười	12/9/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268699	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	461	19.7.2014	
462	Chu Thảo Ngân	12/10/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268700	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	462	19.7.2014	
463	Nguyễn Thị Yến Ngọc	20/12/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268701	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	463	19.7.2014	
464	Dương Thị Nhí	1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268702	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	464	19.7.2014	
465	Lê Thị Nho	27/6/1989	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268703	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	465	19.7.2014	
466	Hồ Phạm Bá Ngọc Sương	03/12/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268704	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	466	19.7.2014	
467	Nguyễn Thị Thư	01/01/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268705	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	467	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
468	Trần Thị Mỹ Tiên	26/10/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268706	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	468	19.7.2014	
469	Mai Huyền Bích Trâm	29/6/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268707	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	469	19.7.2014	
470	Trần Thị Ngọc Trâm	28/9/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268708	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	470	19.7.2014	
471	Lê Thị Huỳnh Trân	07/01/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268709	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	471	19.7.2014	
472	Đồng Thị Thùy Trang	24/12/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268710	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	472	19.7.2014	
473	Nguyễn Thị Thu Trang	14/12/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268711	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	473	19.7.2014	
474	Lê Thị Bích Tuyền	03/5/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268712	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	474	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
475	Trần Thị Thanh Tuyền	06/10/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268713	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	475	19.7.2014	
476	Trần Thị Ngọc Tuyền	20/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268714	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	476	19.7.2014	
477	Hứa Thị Bích Vân	15/8/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268715	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	477	19.7.2014	
478	Phan Thị Tường Vy	10/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268716	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	478	19.7.2014	
479	Nguyễn Thị Xuyên	20/10/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268717	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	479	19.7.2014	
480	Võ Thị Bảo Yến	28/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268718	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	480	19.7.2014	
481	Trịnh Thanh Hiếu	07/9/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268719	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	481	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
482	Lê Thị Thúy Kiều	15/3/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268720	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	482	19.7.2014	
483	Tô Thị Lượng	20/9/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268721	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	483	19.7.2014	
484	Huỳnh Thị Thu Mai	29/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268722	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	484	19.7.2014	
485	Nguyễn Hồng Phúc	21/11/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268723	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	485	19.7.2014	
486	Bùi Văn Thịnh	30/3/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268724	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	486	19.7.2014	
487	Lê Nguyễn Đức Anh	09/8/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268725	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	487	19.7.2014	
488	Trần Tấn Đạt	22/02/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268726	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	488	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
489	Huỳnh Ngọc Lam Điền	26/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268727	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	489	19.7.2014	
490	Nguyễn Minh Đức	06/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268728	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	490	19.7.2014	
491	Tăng Trúc Mai	12/9/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268729	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	491	19.7.2014	
492	Nguyễn Thùy Ngoan	15/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268730	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	492	19.7.2014	
493	Bành Kim Ngọc	19/9/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268731	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	493	19.7.2014	
494	Nguyễn Mỹ Ngọc	15/02/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268732	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	494	19.7.2014	
495	Lê Bạch Tuyết Nhung	10/5/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268733	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	495	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
496	Nguyễn Thanh Thuận	07/3/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268734	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	496	19.7.2014	
497	Nguyễn Thị Thu Thủy	25/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268735	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	497	19.7.2014	
498	Nguyễn Huỳnh Trân	02/9/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268736	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	498	19.7.2014	
499	Từ Thị Thùy Trang	07/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268737	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	499	19.7.2014	
500	Trần Thị Trinh	07/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268738	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	500	19.7.2014	
501	Nguyễn Ngọc Tuyền	03/5/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Trung bình	Chính quy	B 268739	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	501	19.7.2014	
502	Trinh Thị Ánh Tuyết	14/7/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268740	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	502	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
503	Trần Thị Huỳnh Vân	16/07/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268741	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	503	19.7.2014	
504	Phan Như Ý	08/02/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268742	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	504	19.7.2014	
505	Huỳnh Thị Yến	20/5/1989	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2012 - 2014	2014	Kế toán liên thông	Giỏi	Chính quy	B 268743	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	505	19.7.2014	
506	Bùi Anh Tài	18/12/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2013	2014	Kế toán liên thông	Khá	Chính quy	B 268744	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	506	19.7.2014	
507	Nguyễn Thị Kim Anh	03/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268745	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	507	19.7.2014	
508	Nguyễn Hà Băng	07/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Giỏi	Chính quy	B 268746	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	508	19.7.2014	
509	Nguyễn Thị Thuý Diễm	20/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268747	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	509	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
510	Thái Thị Thùy Dương	25/11/1989	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268748	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	510	19.7.2014	
511	Nguyễn Tố Duyên	27/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268749	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	511	19.7.2014	
512	Nguyễn Tiên Giàu	21/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268750	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	512	19.7.2014	
513	Nguyễn Thị Ngọc Hảo	20/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268751	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	513	19.7.2014	
514	Trương Thị Hồng	07/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268752	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	514	19.7.2014	
515	Trần Thị Trúc Ngân	01/9/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268753	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	515	19.7.2014	
516	Bùi Thị Như Ngọc	04/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268754	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	516	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
517	Nguyễn Thị Yến Nhi	10/5/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268755	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	517	19.7.2014	
518	Lê Thị Nhí	26/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268756	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	518	19.7.2014	
519	Phạm Thị Quỳnh Như	31/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268757	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	519	19.7.2014	
520	Lý Thị Cẩm Nhung	10/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268758	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	520	19.7.2014	
521	Phan Thị Trúc Phương	25/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268759	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	521	19.7.2014	
522	An Yến Phương	24/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268760	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	522	19.7.2014	
523	Trần Kiến Phương	09/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268761	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	523	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
524	Võ Việt Sương	04/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268762	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	524	19.7.2014	
525	Trần Thị Thu Thắm	03/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268763	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	525	19.7.2014	
526	Lê Thị Thu Thảo	06/7/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268764	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	526	19.7.2014	
527	Trần Thị Anh Thư	22/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268765	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	527	19.7.2014	
528	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	09/1/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268766	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	528	19.7.2014	
529	Nguyễn Thị Bích Trâm	01/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Giỏi	Chính quy	B 268767	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	529	19.7.2014	
530	Trương Thy Cẩm Tú	12/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268768	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	530	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
531	Lê Thị Ngọc Tú	18/9/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268769	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	531	19.7.2014	
532	Phạm Nguyễn Mộng Uyên	20/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268770	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	532	19.7.2014	
533	Lê Thị Ngọc Vện	17/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268771	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	533	19.7.2014	
534	Bùi Thanh Xuân	12/7/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268772	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	534	19.7.2014	
535	Nguyễn Thị Hồng Yến	17/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268773	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	535	19.7.2014	
536	Huỳnh Thị Kim Ba	01/12/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268774	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	536	19.7.2014	
537	Ngô Thị Hồng Châu	08/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268775	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	537	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
538	Phạm Thị Cẩm Cuống	02/3/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268776	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	538	19.7.2014	
539	Nguyễn Thị Kim Duyên	05/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268777	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	539	19.7.2014	
540	Trần Thị Ngọc Hân	09/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Trung bình	Chính quy	B 268778	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	540	19.7.2014	
541	Nguyễn Thị Tuyết Khoa	16/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Trung bình	Chính quy	B 268779	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	541	19.7.2014	
542	Kiều Ngọc Khuê	18/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Trung bình	Chính quy	B 268780	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	542	19.7.2014	
543	Trần Thị Lai	02/3/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268781	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	543	19.7.2014	
544	Nguyễn Thị Kim Linh	30/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268782	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	544	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
545	Nguyễn Kim Ánh Linh	15/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Trung bình	Chính quy	B 268783	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	545	19.7.2014	
546	Lý Thị Mơ	08/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268784	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	546	19.7.2014	
547	Tạ Thị Bích Ngọc	11/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268785	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	547	19.7.2014	
548	Nguyễn Thị Ngọc	21/6/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268786	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	548	19.7.2014	
549	Lê Thị Bích Phương	25/6/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Trung bình	Chính quy	B 268787	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	549	19.7.2014	
550	Châu Xuân Quỳnh	02/3/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268788	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	550	19.7.2014	
551	Lê Thị Quý Quỳnh	23/9/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268789	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	551	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
552	Lê Minh Thư	21/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268790	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	552	19.7.2014	
553	Trịnh Thị Thu Thủy	09/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268791	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	553	19.7.2014	
554	Phạm Thị Tường Vi	10/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục mầm non	Khá	Chính quy	B 268792	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	554	19.7.2014	
555	Nguyễn Nam Bình	25/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Trung bình	Chính quy	B 268793	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	555	19.7.2014	
556	Nguyễn Hoàng Duy	15/11/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268794	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	556	19.7.2014	
557	Lư Phú Điền	04/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268795	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	557	19.7.2014	
558	Đoàn Mạnh Hiệp	27/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268796	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	558	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
559	Bùi Phan Quang Huy	20/01/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268797	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	559	19.7.2014	
560	Lư Trung Kiên	15/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268798	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	560	19.7.2014	
561	Võ Minh Quân	15/6/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Trung bình	Chính quy	B 268799	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	561	19.7.2014	
562	Lê Văn Ánh Sáng	21/02/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268800	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	562	19.7.2014	
563	Phạm Ngọc Tặng	25/10/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Trung bình	Chính quy	B 268801	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	563	19.7.2014	
564	Huỳnh Văn Thạnh	15/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268802	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	564	19.7.2014	
565	Đinh Thị Cẩm Thi	03/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268803	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	565	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
566	Trịnh Thị Thanh Thủy	06/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268804	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	566	19.7.2014	
567	Nguyễn Văn Bì	14/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268805	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	567	19.7.2014	
568	Nguyễn Thanh Dương	16/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Trung bình	Chính quy	B 268806	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	568	19.7.2014	
569	Võ Hoàng Gia	02/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268807	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	569	19.7.2014	
570	Nguyễn Văn Kiệt	09/8/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268808	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	570	19.7.2014	
571	Trương Thành Long	12/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Trung bình	Chính quy	B 268809	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	571	19.7.2014	
572	Lư Lâm Phương Thùy	07/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268810	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	572	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
573	Nguyễn Hữu Tốt	02/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Trung bình	Chính quy	B 268811	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	573	19.7.2014	
574	Trần Văn Trung	06/3/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Giáo dục thể chất	Khá	Chính quy	B 268812	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	574	19.7.2014	
575	Hồ Thành Công	10/6/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268813	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	575	19.7.2014	
576	Lê Thành Công	22/4/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268814	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	576	19.7.2014	
577	Nguyễn Đỗ Cao Cường	11/8/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268815	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	577	19.7.2014	
578	Lê Văn Cường	24/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268816	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	578	19.7.2014	
579	Nguyễn Thị Phương Dung	01/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268817	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	579	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
580	Tiêu Hạng Duyên	15/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268818	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	580	19.7.2014	
581	Đoàn Nguyễn Minh Đăng	24/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268819	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	581	19.7.2014	
582	Mai Thị Nhanh Em	26/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268820	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	582	19.7.2014	
583	Huỳnh Văn Hà	10/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268821	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	583	19.7.2014	
584	Đặng Thị Kim Hán	29/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268822	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	584	19.7.2014	
585	Trương Công Hiếu	26/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268823	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	585	19.7.2014	
586	Lê Thành Hơn	12/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268824	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	586	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
587	Nguyễn Thị Mỹ Hương	26/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268825	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	587	19.7.2014	
588	Nguyễn Thị Tuyết Kha	15/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268826	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	588	19.7.2014	
589	Nguyễn Hữu Khải	16/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268827	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	589	19.7.2014	
590	Lưu Thị Kiều	20/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268828	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	590	19.7.2014	
591	Phạm Mỹ Lan	03/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268829	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	591	19.7.2014	
592	Trần Thị Cẩm Lên	01/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268830	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	592	19.7.2014	
593	Võ Thị Liễu	1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268831	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	593	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
594	Thạch Thị Linh	18/07/1992	Nữ	Khmer	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268832	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	594	19.7.2014	
595	Lê Nguyễn Bích Ngọc	06/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268833	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	595	19.7.2014	
596	Đặng Yến Ngọc	23/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268834	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	596	19.7.2014	
597	Lê Phan Thảo Nguyên	26/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268835	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	597	19.7.2014	
598	Nguyễn Hoàng Sơn	14/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268836	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	598	19.7.2014	
599	Lê Ngọc Sự	09/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268837	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	599	19.7.2014	
600	Nguyễn Quốc Thái	18/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268838	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	600	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
601	Nguyễn Thị Thu Thảo	05/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268839	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	601	19.7.2014	
602	Trần Thị Nguyệt Thảo	25/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268840	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	602	19.7.2014	
603	Lê Thị Thúy	19/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268841	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	603	19.7.2014	
604	Đặng Thanh Thúy	27/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268842	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	604	19.7.2014	
605	Lương Thị Mỹ Tiên	05/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268843	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	605	19.7.2014	
606	Mai Thị Kiều Trinh	06/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268844	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	606	19.7.2014	
607	Trần Thị Lệ Trinh	10/5/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268845	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	607	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
608	Lương Ngọc Tú	24/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268846	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	608	19.7.2014	
609	Nguyễn Thị Minh Tú	22/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268847	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	609	19.7.2014	
610	Huỳnh Tuấn	26/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268848	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	610	19.7.2014	
611	Bùi Ngọc Tuyền	29/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268849	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	611	19.7.2014	
612	Trần Thị Út	1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268850	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	612	19.7.2014	
613	Dương Thị Thuỳ Vân	08/6/1993	Nữ	Khmer	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268851	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	613	19.7.2014	
614	Lương Thị Kim Xuyến	10/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Khá	Chính quy	B 268852	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	614	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
615	Nguyễn Quốc Đăng	20/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268853	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	615	19.7.2014	
616	Liêu Quốc Đạt	03/5/1993	Nam	Khmer	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268854	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	616	19.7.2014	
617	Nguyễn Hoài Giao	15/11/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268855	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	617	19.7.2014	
618	Nguyễn Thị Xuân Hàng	05/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268856	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	618	19.7.2014	
619	Phạm Vũ Lâm	16/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268857	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	619	19.7.2014	
620	Chiêm Thị Kim Loan	20/10/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268858	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	620	19.7.2014	
621	Nguyễn Quỳnh Như	04/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2010 - 2013	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 268859	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	621	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
622	Nguyễn Hoàng Minh Tuấn	10/12/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2010 - 2013	2014	Sư phạm Hóa Sinh	Trung bình	Chính quy	B 268860	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	622	19.7.2014	
623	Bùi Thị Thuý An	16/7/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268861	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	623	19.7.2014	
624	Hà Kiều Anh	02/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268862	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	624	19.7.2014	
625	Vũ Thị Kim Cúc	20/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268863	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	625	19.7.2014	
626	Nguyễn Thị Kiều Diễm	07/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268864	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	626	19.7.2014	
627	Phan Thị Thu Hằng	20/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268865	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	627	19.7.2014	
628	Huỳnh Thị Hào Hoa	07/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268866	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	628	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
629	Dương Huỳnh Đức Hoà	28/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268867	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	629	19.7.2014	
630	Nguyễn Huy Hoàng	12/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268868	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	630	19.7.2014	
631	Nguyễn Thị Ánh Hồng	12/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268869	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	631	19.7.2014	
632	Trần Thị Mỹ Huệ	15/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268870	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	632	19.7.2014	
633	Đoàn Thị Diễm Hương	10/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268871	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	633	19.7.2014	
634	Vô Thành Khang	17/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268872	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	634	19.7.2014	
635	Phạm Hồng Khương	02/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268873	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	635	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
636	Vưu Chiêu Minh	10/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268874	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	636	19.7.2014	
637	Nguyễn Thị Kim Ngân	13/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268875	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	637	19.7.2014	
638	Võ Ngọc Ngân	26/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268876	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	638	19.7.2014	
639	Nguyễn Thị Thu Ngọc	21/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268877	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	639	19.7.2014	
640	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	10/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268878	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	640	19.7.2014	
641	Đặng Huỳnh Như	02/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268879	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	641	19.7.2014	
642	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	17/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268880	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	642	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
643	Dương Thị Bé Thanh	28/9/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268881	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	643	19.7.2014	
644	Sơn Thị Thu Thêm	14/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268882	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	644	19.7.2014	
645	Trần Lê Hoài Thương	09/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268883	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	645	19.7.2014	
646	Phạm Thị Thanh Thúy	23/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268884	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	646	19.7.2014	
647	Vũ Thị Mộng Tiền	08/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268885	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	647	19.7.2014	
648	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	21/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268886	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	648	19.7.2014	
649	Nguyễn Trần Mai Trinh	22/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268887	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	649	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
650	Nguyễn Châu Trúc	22/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268888	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	650	19.7.2014	
651	Nguyễn Thị Thu Yến	20/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268889	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	651	19.7.2014	
652	Phạm Vân Anh	01/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268890	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	652	19.7.2014	
653	Huỳnh Ngọc Châu	23/7/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268891	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	653	19.7.2014	
654	Đỗ Thị Linh Chi	27/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268892	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	654	19.7.2014	
655	Phạm Thùy Dung	19/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268893	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	655	19.7.2014	
656	Nguyễn Thị Ngọc Em	10/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268894	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	656	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
657	Dương Thị Lài	20/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268895	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	657	19.7.2014	
658	Nguyễn Thị Mỹ Linh	20/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268896	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	658	19.7.2014	
659	Tô Kiều My	17/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268897	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	659	19.7.2014	
660	Hàng Thị Mỹ Nhung	26/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268898	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	660	19.7.2014	
661	Lê Thị Minh Tâm	16/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268899	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	661	19.7.2014	
662	Cao Hồng Thanh	31/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268900	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	662	19.7.2014	
663	Trần Thị Cẩm Tiên	10/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268901	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	663	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
664	Trần Thị Trang	09/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268902	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	664	19.7.2014	
665	Cao Thị Mộng Trinh	03/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268903	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	665	19.7.2014	
666	Trần Thị Sáo Trúc	08/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268904	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	666	19.7.2014	
667	Trần Huỳnh Ngọc Anh	26/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268905	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	667	19.7.2014	
668	Trần Hải Âu	22/03/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268906	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	668	19.7.2014	
669	Trần Ngọc Bích	18/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268907	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	669	19.7.2014	
670	Nguyễn Thị Chi	13/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268908	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	670	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
671	Đặng Thị Thùy Dương	29/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268909	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	671	19.7.2014	
672	Nguyễn Trần Hương Duy	05/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268910	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	672	19.7.2014	
673	Lê Thị Kim Hai	10/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268911	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	673	19.7.2014	
674	Nguyễn Thúy Hàng	05/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268912	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	674	19.7.2014	
675	Trương Thị Mỹ Hàng	03/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268913	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	675	19.7.2014	
676	Trần Nguyệt Hiếu	29/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268914	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	676	19.7.2014	
677	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	16/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268915	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	677	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
678	Nguyễn Thị Hường	13/03/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268916	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	678	19.7.2014	
679	Danh Thị Ngọc Huyền	31/5/1993	Nữ	Khmer	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268917	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	679	19.7.2014	
680	Trần Mộng Kiều	23/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268918	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	680	19.7.2014	
681	Trần Thị Mỹ Linh	1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268919	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	681	19.7.2014	
682	Nguyễn Hoàng Lĩnh	29/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268920	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	682	19.7.2014	
683	Thái Thị Như	24/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268921	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	683	19.7.2014	
684	Lê Thị Tố Nương	03/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268922	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	684	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
685	Võ Chí Thân	12/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268923	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	685	19.7.2014	
686	Huỳnh Thị Thảo	09/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268924	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	686	19.7.2014	
687	Nguyễn Thị Mộng Thu	16/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268925	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	687	19.7.2014	
688	Trịnh Thị Tiên	01/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268926	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	688	19.7.2014	
689	Trịnh Văn Tiến	24/12/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268927	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	689	19.7.2014	
690	Nguyễn Ngọc Trâm	01/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268928	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	690	19.7.2014	
691	Ngô Huỳnh Minh Tú	1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268929	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	691	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
692	Huỳnh Sơn Tùng	01/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268930	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	692	19.7.2014	
693	Nguyễn Hoàng Thoại Vi	12/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268931	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	693	19.7.2014	
694	Phạm Thị Kim Ý	22/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268932	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	694	19.7.2014	
695	Võ Như Ý	01/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268933	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	695	19.7.2014	
696	Nguyễn Ngọc Yến	26/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268934	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	696	19.7.2014	
697	Cao Thúy Hà	06/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268935	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	697	19.7.2014	
698	Trần Nhật Hưng	24/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268936	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	698	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
699	Dương Minh Khoa	26/9/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268937	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	699	19.7.2014	
700	Nguyễn Minh Thành	07/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268938	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	700	19.7.2014	
701	Lê Thị Diễm Thi	19/10/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268939	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	701	19.7.2014	
702	Trần Nhật Trung	30/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268940	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	702	19.7.2014	
703	Huỳnh Thanh Tùng	30/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268941	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	703	19.7.2014	
704	Lâm Trần Như Ý	06/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268942	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	704	19.7.2014	
705	Phạm Thị Trúc Nhân	02/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268943	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	705	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
706	Lê Thị Mỹ Phương	07/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 268944	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	706	19.7.2014	
707	Phạm Thị Tố Quyên	18/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Trung bình	Chính quy	B 268945	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	707	19.7.2014	
708	Thạch Thế Bảo	06/02/1993	Nam	Khmer	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268946	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	708	19.7.2014	
709	Đỗ Thị Diễm	16/02/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268947	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	709	19.7.2014	
710	Trần Văn Đoàn	03/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268948	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	710	19.7.2014	
711	Bùi Ngân Giang	14/6/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268949	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	711	19.7.2014	
712	Lê Thị Ngọc Hà	28/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268950	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	712	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
713	Trần Vũ Hải	24/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268951	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	713	19.7.2014	
714	Phan Thanh Hiếu	20/6/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268952	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	714	19.7.2014	
715	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	30/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268953	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	715	19.7.2014	
716	Nguyễn Đỗ Ngọc Huyền	26/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268954	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	716	19.7.2014	
717	Đặng Thị Minh Mẫn	23/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268955	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	717	19.7.2014	
718	Trừ Văn Ngon	04/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268956	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	718	19.7.2014	
719	Lê Thị Ní	07/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268957	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	719	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
720	Nguyễn Thanh Phú	02/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268958	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	720	19.7.2014	
721	Nguyễn Thị Như Quỳnh	17/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268959	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	721	19.7.2014	
722	Nguyễn Thị Bé Thùy	1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268960	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	722	19.7.2014	
723	Phạm Mỹ Xuyên	01/7/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268961	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	723	19.7.2014	
724	Huỳnh Phi Yến	21/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268962	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	724	19.7.2014	
725	Huỳnh Thúy An	1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268963	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	725	19.7.2014	
726	Trần Kim Nhật Ánh	21/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268964	Số 1461/QĐ- CĐCT, ngày 21/7/2014	726	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
727	Nguyễn Văn Ba	12/6/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268965	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	727	19.7.2014	
728	Lê Văn Hùm	22/01/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268966	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	728	19.7.2014	
729	Trần Ngọc Huyền	17/02/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268967	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	729	19.7.2014	
730	Tô Thúy Huỳnh	29/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268968	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	730	19.7.2014	
731	Võ Hồng Mao	11/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268969	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	731	19.7.2014	
732	Huỳnh Thị Hồng Nguyên	12/7/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268970	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	732	19.7.2014	
733	Nguyễn Minh Tân	19/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268971	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	733	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
734	Trần Dương Ngọc Trâm	08/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268972	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	734	19.7.2014	
735	Thạch Thị Tươi	19/4/1992	Nữ	Khome	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268973	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	735	19.7.2014	
736	Cao Thị Ngọc Tuyền	15/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268974	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	736	19.7.2014	
737	Lâm Thị Hoàng Xuân	06/4/1993	Nữ	Khome	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268975	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	737	19.7.2014	
738	Trương Quang Cao	09/01/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268976	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	738	19.7.2014	
739	Trần Văn Phúc	15/02/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268977	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	739	19.7.2014	
740	Bùi Quốc Thái	20/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268978	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	740	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
741	Nguyễn Thị Kim Thảo	30/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268979	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	741	19.7.2014	
742	Nguyễn Thị Thanh Thúy	01/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268980	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	742	19.7.2014	
743	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	01/5/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268981	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	743	19.7.2014	
744	Trần Thị Kim Ánh	09/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268982	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	744	19.7.2014	
745	Nguyễn Thị Cơ	27/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268983	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	745	19.7.2014	
746	Trương Thị Kim Cương	15/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268984	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	746	19.7.2014	
747	Huỳnh Thị Ngọc Duyên	25/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268985	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	747	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
748	Dương Hoàng Minh	22/12/1988	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268986	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	748	19.7.2014	
749	Trần Thị Thủy Ngân	13/9/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268987	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	749	19.7.2014	
750	Bùi Thị Ngọc Ngân	10/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần thơ	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 268988	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	750	19.7.2014	
751	Nguyễn Thành Tân	03/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268989	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	751	19.7.2014	
752	Võ Thị Hồng Thư	30/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Trung bình	Chính quy	B 268990	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	752	19.7.2014	
753	Thạch Thị Thúy An	20/9/1993	Nữ	Khome	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 268991	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	753	19.7.2014	
754	Trần Thị Thu Ba	22/6/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 268992	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	754	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
755	Lê Thị Mộng Cầm	17/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 268993	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	755	19.7.2014	
756	Võ Lâm Thùy Dương	16/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 268994	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	756	19.7.2014	
757	Đồng Thị Vân Em	10/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 268995	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	757	19.7.2014	
758	Võ Ngọc Giàu	01/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 268996	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	758	19.7.2014	
759	La Khánh Hà	14/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Giỏi	Chính quy	B 268997	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	759	19.7.2014	
760	Trần Diễm Hương	29/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 268998	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	760	19.7.2014	
761	Nguyễn Thị Thu Hương	28/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Trung bình	Chính quy	B 268999	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	761	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
762	Bùi Thị Huyền	15/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269000	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	762	19.7.2014	
763	Lê Văn Lăng	06/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269001	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	763	19.7.2014	
764	Trần Diệu Linh	09/5/1993	Nữ	Hoa	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269002	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	764	19.7.2014	
765	Bùi Thị Thúy Loan	02/5/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269003	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	765	19.7.2014	
766	Lê Thị Bích Loan	1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269004	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	766	19.7.2014	
767	Nguyễn Thị Tuyết Mai	04/11/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269005	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	767	19.7.2014	
768	Nguyễn Thị Tuyết Minh	22/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269006	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	768	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
769	Văn Thị Mỹ	19/3/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269007	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	769	19.7.2014	
770	Nguyễn Đào Ngân	01/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269008	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	770	19.7.2014	
771	Phùng Thị Cẩm Ngân	14/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269009	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	771	19.7.2014	
772	Lê Thị Bích Ngọc	29/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Trung bình	Chính quy	B 269010	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	772	19.7.2014	
773	Nguyễn Ngọc Nhật	04/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269011	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	773	19.7.2014	
774	Lê Thị Tuyết Uyên Phương	16/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269012	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	774	19.7.2014	
775	Mai Ngọc Sang	02/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Trung bình	Chính quy	B 269013	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	775	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
776	Lê Thị Kim Thanh	30/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269014	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	776	19.7.2014	
777	Nguyễn Thị Mộng Tiền	27/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Trung bình	Chính quy	B 269015	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	777	19.7.2014	
778	Nguyễn Thị Thùy Trang	25/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269016	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	778	19.7.2014	
779	Lê Thị Triều	06/3/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cửu Long	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Giỏi	Chính quy	B 269017	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	779	19.7.2014	
780	Đoàn Thị Ý	10/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269018	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	780	19.7.2014	
781	Trần Ngọc Như Ý	01/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269019	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	781	19.7.2014	
782	Dương Văn Bảo	20/7/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Trung bình	Chính quy	B 269020	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	782	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
783	Nguyễn Xuân Đào	15/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269021	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	783	19.7.2014	
784	Trần Thị Thanh Liên	20/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269022	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	784	19.7.2014	
785	Nguyễn Thế Nhân	31/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269023	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	785	19.7.2014	
786	Lý Phương Thảo	08/12/1992	Nữ	Khmer	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Trung bình	Chính quy	B 269024	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	786	19.7.2014	
787	Nguyễn Thị Kiều Tiên	06/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Trung bình	Chính quy	B 269025	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	787	19.7.2014	
788	Ngô Ngọc Trình	16/3/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269026	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	788	19.7.2014	
789	Dương Thị Hồng Yến	10/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Quản trị văn phòng	Khá	Chính quy	B 269027	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	789	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
790	Huỳnh Thị Ngọc Ái	03/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Giỏi	Chính quy	B 269028	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	790	19.7.2014	
791	Lê Tuấn Anh	23/4/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269029	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	791	19.7.2014	
792	Nguyễn Văn Đũ	14/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269030	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	792	19.7.2014	
793	Nguyễn Hoàng Em	15/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269031	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	793	19.7.2014	
794	Nguyễn Văn Hon	28/4/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269032	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	794	19.7.2014	
795	Trần Lê Ngọc Huyền	07/7/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269033	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	795	19.7.2014	
796	Trần Thị Thúy Kiều	10/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269034	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	796	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
797	Lê Huỳnh Lê	29/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269035	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	797	19.7.2014	
798	Võ Thị Kim Liên	22/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269036	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	798	19.7.2014	
799	Nguyễn Lê Hoàng Trọng Nghĩa	17/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269037	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	799	19.7.2014	
800	Phan Trọng Nghĩa	29/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269038	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	800	19.7.2014	
801	Phan Hồng Yến Nhi	29/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Giỏi	Chính quy	B 269039	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	801	19.7.2014	
802	Nguyễn Thị Mỹ Nương	22/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269040	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	802	19.7.2014	
803	Lâm Thọ Phước	30/11/1992	Nam	Khome	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269041	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	803	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
804	Lâm Thái Phương	19/6/1993	Nam	Khome	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269042	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	804	19.7.2014	
805	Nguyễn Thị Thùy Quyên	25/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269043	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	805	19.7.2014	
806	Nguyễn Thanh Sang	05/6/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269044	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	806	19.7.2014	
807	Lê Thành Tấn	21/02/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269045	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	807	19.7.2014	
808	Kim Hoài Thanh	19/6/1991	Nam	Khome	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269046	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	808	19.7.2014	
809	Vũ Quốc Toản	03/3/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269047	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	809	19.7.2014	
810	Trịnh Thị Thùy Trân	10/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269048	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	810	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
811	Phạm Ngọc Thủy Trúc	26/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Giỏi	Chính quy	B 269049	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	811	19.7.2014	
812	Trương Nhật Trường	01/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269050	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	812	19.7.2014	
813	Nguyễn Văn Út	1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269051	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	813	19.7.2014	
814	Đỗ Thành Vinh	05/01/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Khá	Chính quy	B 269052	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	814	19.7.2014	
815	Võ Văn Giàu	1991	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269053	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	815	19.7.2014	
816	Nguyễn Vũ Linh	01/01/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269054	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	816	19.7.2014	
817	Phạm Văn Sơn	15/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269055	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	817	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
818	Trần Văn Cường Em	19/9/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2010 - 2013	2014	CNKT môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269056	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	818	19.7.2014	
819	Nguyễn Trường An	22/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269057	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	819	19.7.2014	
820	Nguyễn Thị Phương Anh	08/8/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269058	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	820	19.7.2014	
821	Nguyễn Al Cien	26/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269059	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	821	19.7.2014	
822	Phạm Ngọc Giàu	26/5/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269060	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	822	19.7.2014	
823	Trần Văn Giàu	19/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269061	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	823	19.7.2014	
824	Đỗ Thị Bé Hằng	15/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269062	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	824	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
825	Lê Trung Hậu	04/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269063	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	825	19.7.2014	
826	Huỳnh Thái Hòa	10/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269064	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	826	19.7.2014	
827	Tăng Thanh Lam	18/11/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269065	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	827	19.7.2014	
828	Trần Thị Kim Trúc Lan	26/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269066	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	828	19.7.2014	
829	Huỳnh Đắc Lợi	01/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269067	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	829	19.7.2014	
830	Trần Thị Diễm Mi	08/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269068	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	830	19.7.2014	
831	Trần Thị Muộn	1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269069	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	831	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
832	Dương Thị Diễm My	02/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269070	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	832	19.7.2014	
833	La Văn Năng	13/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269071	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	833	19.7.2014	
834	Lê Hữu Nghĩa	26/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269072	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	834	19.7.2014	
835	Ngô Thành Ngọc	23/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269073	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	835	19.7.2014	
836	Bùi Thị Thảo Nguyên	01/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269074	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	836	19.7.2014	
837	Nguyễn Thị Mộng Nhiên	17/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269075	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	837	19.7.2014	
838	Phạm Thị Phiên	1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269076	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	838	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
839	Nguyễn Thị Hoài Phương	20/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269077	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	839	19.7.2014	
840	Nguyễn Thanh Tài	09/11/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269078	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	840	19.7.2014	
841	Cao Phú Tân	06/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269079	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	841	19.7.2014	
842	Phan Trọng Tân	06/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269080	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	842	19.7.2014	
843	Nguyễn Duy Thái	20/11/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269081	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	843	19.7.2014	
844	Cao Hữu Thành	18/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269082	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	844	19.7.2014	
845	Văn Minh Thiện	09/4/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269083	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	845	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
846	Lê Kiều Tiên	20/4/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269084	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	846	19.7.2014	
847	Trần Thị Thủy Tiên	26/3/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269085	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	847	19.7.2014	
848	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269086	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	848	19.7.2014	
849	Ngô Thị Thùy Trang	01/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269087	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	849	19.7.2014	
850	Nguyễn Thị Cẩm Tú	01/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269088	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	850	19.7.2014	
851	Ngô Hải Tùng	03/01/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269089	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	851	19.7.2014	
852	Đinh Văn Tường	18/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269090	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	852	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
853	Hoàng Văn Vũ	24/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269091	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	853	19.7.2014	
854	Trần Thị Kim Yến	01/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269092	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	854	19.7.2014	
855	Trương Tấn Anh	22/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269093	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	855	19.7.2014	
856	Bùi Văn Thanh Chuyện	14/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269094	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	856	19.7.2014	
857	Trần Thị Kiều Diễm	22/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Giỏi	Chính quy	B 269095	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	857	19.7.2014	
858	Lê Văn Dự	26/6/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269096	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	858	19.7.2014	
859	Nguyễn Thành Đạt	15/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269097	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	859	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
860	Châu Thị Cẩm Giang	23/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269098	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	860	19.7.2014	
861	Phạm Quốc Hải	21/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269099	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	861	19.7.2014	
862	Trần Thị Tuyết Hiếu	23/11/1993	Nữ	Hoa	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269100	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	862	19.7.2014	
863	Lý Thị Mỹ Hòa	1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269101	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	863	19.7.2014	
864	Ô Kim Huyền	16/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269102	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	864	19.7.2014	
865	Nguyễn Y Khoa	30/3/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269103	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	865	19.7.2014	
866	Trần Vũ Lâm	23/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269104	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	866	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
867	Phan Hoài Nam	25/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269105	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	867	19.7.2014	
868	Mai Bảo Ngọc	04/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269106	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	868	19.7.2014	
869	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	13/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269107	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	869	19.7.2014	
870	Trần Thị Mỹ Nhung	29/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269108	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	870	19.7.2014	
871	Huỳnh Minh Nhật	02/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269109	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	871	19.7.2014	
872	Nguyễn Văn Phúc	01/01/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269110	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	872	19.7.2014	
873	Trần Hữu Phước	16/01/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269111	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	873	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
874	Huỳnh Thật Thà	26/12/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269112	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	874	19.7.2014	
875	Trần Minh Thái	08/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269113	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	875	19.7.2014	
876	Nguyễn Ngọc Thức	19/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269114	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	876	19.7.2014	
877	Lê Văn Tỏa	09/6/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269115	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	877	19.7.2014	
878	Nguyễn Thị Thùy Trang	1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269116	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	878	19.7.2014	
879	Nguyễn Thành Trung	27/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269117	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	879	19.7.2014	
880	Đình Hoàng Tỷ	24/8/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269118	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	880	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
881	Lê Hoàng Vinh	20/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269119	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	881	19.7.2014	
882	Bùi Thị Ngọc Yến	25/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269120	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	882	19.7.2014	
883	Nguyễn Thị Như Ý	25/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269121	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	883	19.7.2014	
884	Huỳnh Thị Tuyết Anh	06/6/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269122	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	884	19.7.2014	
885	Võ Thị Mỹ Dung	14/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269123	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	885	19.7.2014	
886	Nguyễn Trọng Nam	16/02/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269124	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	886	19.7.2014	
887	Trần Hoàng Quân	01/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269125	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	887	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
888	Võ Thị Bích Quyên	20/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269126	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	888	19.7.2014	
889	Lê Văn Trọng	20/02/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Trung bình	Chính quy	B 269127	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	889	19.7.2014	
890	Võ Trần Linh	30/01/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269128	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	890	19.7.2014	
891	Nguyễn Thanh Nhi	1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269129	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	891	19.7.2014	
892	Ngô Hữu Thiện	10/8/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269130	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	892	19.7.2014	
893	Lê Ngọc Anh Thư	28/11/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269131	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	893	19.7.2014	
894	Lê Hùng Anh	1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269132	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	894	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
895	Vũ Tuấn Anh	29/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269133	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	895	19.7.2014	
896	Nguyễn Đình Bảo	07/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269134	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	896	19.7.2014	
897	Dương Văn Chức	06/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269135	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	897	19.7.2014	
898	Nguyễn Minh Dương	1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269136	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	898	19.7.2014	
899	Nguyễn Hải Đăng	22/5/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269137	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	899	19.7.2014	
900	Trương Công Định	10/6/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269138	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	900	19.7.2014	
901	Lê Minh Hậu	03/8/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269139	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	901	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
902	Đặng Trường Hiển	02/7/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269140	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	902	19.7.2014	
903	Nguyễn Minh Đăng Khoa	23/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269141	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	903	19.7.2014	
904	Nguyễn Văn Liên	09/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269142	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	904	19.7.2014	
905	Huỳnh Chí Linh	17/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269143	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	905	19.7.2014	
906	Nguyễn Văn Linh	27/7/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269144	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	906	19.7.2014	
907	Nguyễn Văn Phổ	16/4/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269145	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	907	19.7.2014	
908	Huỳnh Phước	09/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269146	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	908	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
909	Lê Minh Phước	24/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269147	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	909	19.7.2014	
910	Đoàn Thanh Phước	09/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269148	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	910	19.7.2014	
911	Võ Thanh Quang	06/5/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269149	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	911	19.7.2014	
912	Nguyễn Phú Quốc	01/01/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269150	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	912	19.7.2014	
913	Nguyễn Phúc Thịnh	17/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269151	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	913	19.7.2014	
914	Phan Minh Thuấn	06/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269152	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	914	19.7.2014	
915	Nguyễn Ngọc Thuận	09/6/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269153	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	915	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
916	Dương Chí Tính	09/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269154	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	916	19.7.2014	
917	Nguyễn Minh Tính	20/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269155	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	917	19.7.2014	
918	Trương Văn Toàn	28/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269156	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	918	19.7.2014	
919	Lưu Thị Diễm Trinh	15/4/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269157	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	919	19.7.2014	
920	Tăng Quốc Vinh	01/7/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269158	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	920	19.7.2014	
921	Châu Vu	07/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269159	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	921	19.7.2014	
922	Huỳnh Văn Phương	1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269160	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	922	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
923	Lê Thanh Tùng	09/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269161	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	923	19.7.2014	
924	Nguyễn Duy Bằng	25/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269162	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	924	19.7.2014	
925	Lê Thiện Bảo	02/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269163	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	925	19.7.2014	
926	Nguyễn Thiện Bổn	09/10/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269164	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	926	19.7.2014	
927	Trần Văn Bulít	1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269165	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	927	19.7.2014	
928	Hồ Văn Quý Duy	19/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269166	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	928	19.7.2014	
929	Nguyễn Hồng Đại	08/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269167	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	929	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
930	Lê Văn Gan	15/9/1992		Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269168	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	930	19.7.2014	
931	Lê Sơn Hà	07/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269169	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	931	19.7.2014	
932	Trần Hồng Hạnh	30/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269170	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	932	19.7.2014	
933	Lê Văn Trọng Hiển	16/8/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269171	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	933	19.7.2014	
934	Nguyễn Duy Hơn	09/3/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269172	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	934	19.7.2014	
935	Đào Thanh Khải	11/11/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269173	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	935	19.7.2014	
936	Trương Thanh Nam	13/12/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269174	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	936	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
937	Nguyễn Thái Ngân	02/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269175	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	937	19.7.2014	
938	Nguyễn Sơn Nguyên	30/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269176	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	938	19.7.2014	
939	Phạm Thanh Nhàn	25/6/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269177	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	939	19.7.2014	
940	Nguyễn Anh Pha	19/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269178	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	940	19.7.2014	
941	Phạm Văn Phúc	29/9/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269179	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	941	19.7.2014	
942	Đoàn Minh Tâm	27/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269180	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	942	19.7.2014	
943	Kim Chane Bình Thon	16/02/1993	Nam	Khome	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269181	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	943	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
944	Nguyễn Trí Thông	11/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269182	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	944	19.7.2014	
945	Trần Quốc Trạng	24/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269183	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	945	19.7.2014	
946	Lê Nguyễn Minh Trí	15/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269184	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	946	19.7.2014	
947	Nguyễn Văn Truyền	28/10/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269185	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	947	19.7.2014	
948	Trần Quốc Tuấn	07/3/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269186	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	948	19.7.2014	
949	Huỳnh Văn Cảnh	25/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269187	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	949	19.7.2014	
950	Lâm Thái Dương	07/8/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269188	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	950	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
951	Nguyễn Trung Hiếu	02/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269189	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	951	19.7.2014	
952	Nguyễn Văn Lăng	25/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269190	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	952	19.7.2014	
953	Bùi Văn Sấm	06/3/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269191	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	953	19.7.2014	
954	Huỳnh Văn Thạch	16/5/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269192	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	954	19.7.2014	
955	Nguyễn Thọ Trường	1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269193	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	955	19.7.2014	
956	Ôn Thị Bích Vân	01/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269194	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	956	19.7.2014	
957	Trương Hoàng Vũ	15/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269195	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	957	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
958	Đoàn Văn Vũ	06/4/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269196	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	958	19.7.2014	
959	Võ Văn Tới	1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269197	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	959	19.7.2014	
960	Lý Việt Hùng	30/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269198	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	960	19.7.2014	
961	Doãn Văn Bắc	25/4/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269199	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	961	19.7.2014	
962	Lương Văn Búp	1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269200	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	962	19.7.2014	
963	Bùi Thái Dương	1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269201	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	963	19.7.2014	
964	Trương Văn Dương	15/4/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269202	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	964	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
965	Nguyễn Hữu Khánh	1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269203	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	965	19.7.2014	
966	Trương Quốc Long	06/02/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269204	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	966	19.7.2014	
967	Lê Vinh Mỹ	15/11/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269205	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	967	19.7.2014	
968	Trương Hoài Nam	15/01/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269206	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	968	19.7.2014	
969	Nguyễn Hoàng Nam	12/12/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269207	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	969	19.7.2014	
970	Nguyễn Trung Nghĩa	08/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269208	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	970	19.7.2014	
971	Phạm Thanh Sang	21/02/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269209	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	971	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
972	Nguyễn Khắc Tâm	12/11/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Khá	Chính quy	B 269210	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	972	19.7.2014	
973	Võ Minh Tân	25/5/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269211	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	973	19.7.2014	
974	Nguyễn Nhựt Thanh	1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269212	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	974	19.7.2014	
975	Trần Quốc Dũng	21/6/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	2010 - 2013	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269213	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	975	19.7.2014	
976	Mai Hoàn Kha	01/12/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2010 - 2013	2014	CNKT xây dựng	Trung bình	Chính quy	B 269214	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	976	19.7.2014	
977	Nguyễn Thị Hồng An	16/7/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Xuất sắc	Chính quy	B 269215	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	977	19.7.2014	
978	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	22/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Khá	Chính quy	B 269216	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	978	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
979	Lê Thị Ngọc Hà	19/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Khá	Chính quy	B 269217	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	979	19.7.2014	
980	Vũ Xuân Hiền	26/6/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Khá	Chính quy	B 269218	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	980	19.7.2014	
981	Nguyễn Thị Hường	13/01/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Khá	Chính quy	B 269219	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	981	19.7.2014	
982	Nguyễn Thị Phước Lộc	04/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Khá	Chính quy	B 269220	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	982	19.7.2014	
983	Nguyễn Thị Mụi	21/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Khá	Chính quy	B 269221	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	983	19.7.2014	
984	Trương Thị Thùy Tiên	22/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Khá	Chính quy	B 269222	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	984	19.7.2014	
985	Nguyễn Trường An	19/7/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Khá	Chính quy	B 269223	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	985	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
986	Phạm Thị Mỹ Duyên	09/6/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Trung bình	Chính quy	B 269224	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	986	19.7.2014	
987	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	06/8/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Khá	Chính quy	B 269225	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	987	19.7.2014	
988	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	30/9/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Công nghệ may	Trung bình	Chính quy	B 269226	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	988	19.7.2014	
989	Nguyễn Hải Đăng	16/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Khá	Chính quy	B 269227	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	989	19.7.2014	
990	Bùi Thị Thanh Chang	28/11/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269228	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	990	19.7.2014	
991	Nguyễn Thị Chi	18/01/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269229	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	991	19.7.2014	
992	Mai Viết Mỹ	28/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269230	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	992	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
993	Lê Minh Nghiep	06/02/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269231	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	993	19.7.2014	
994	Huỳnh Thị Mỹ Phụng	18/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269232	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	994	19.7.2014	
995	Phạm Tiến Hảo	06/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Khá	Chính quy	B 269233	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	995	19.7.2014	
996	Nguyễn Hoàng	1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Khá	Chính quy	B 269234	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	996	19.7.2014	
997	Lâm Bích Thuận	29/10/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Khá	Chính quy	B 269235	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	997	19.7.2014	
998	Nguyễn Hoàng Thanh Huy	30/3/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269236	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	998	19.7.2014	
999	Phạm Công Linh	05/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Khá	Chính quy	B 269237	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	999	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1000	Nguyễn Minh Nhật	20/12/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Khá	Chính quy	B 269238	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1000	19.7.2014	
1001	Lâm Văn Nhật	10/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269239	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1001	19.7.2014	
1002	Trần Thanh Phong	08/12/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269240	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1002	19.7.2014	
1003	Trần Minh Tâm	01/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269241	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1003	19.7.2014	
1004	Huỳnh Công Toàn	23/10/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269242	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1004	19.7.2014	
1005	Nguyễn Phan Hoài Văn	10/9/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269243	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1005	19.7.2014	
1006	Nguyễn Huệ Cường	02/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269244	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1006	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1007	Lê Nguyễn	02/6/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269245	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1007	19.7.2014	
1008	Lý Nam Sanh	13/02/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Khá	Chính quy	B 269246	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1008	19.7.2014	
1009	Trương Ngọc Thơ	08/02/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269247	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1009	19.7.2014	
1010	Nguyễn Thanh Trọng	04/11/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269248	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1010	19.7.2014	
1011	Lê Nhật Truyền	03/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269249	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1011	19.7.2014	
1012	Đặng Thị Mỹ Tiên	12/04/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269250	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1012	19.7.2014	
1013	Trần Lê Ngân	02/9/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2010 - 2013	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269251	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1013	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1014	Trịnh Văn Phong	22/6/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2010 - 2013	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269252	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1014	19.7.2014	
1015	Nguyễn Thanh Lộc	19/01/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2019 - 2012	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269253	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1015	19.7.2014	
1016	Phạm Thành Đạt	12/01/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269254	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1016	19.7.2014	
1017	Tạ Thành Giác	28/9/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Khá	Chính quy	B 269255	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1017	19.7.2014	
1018	Nguyễn Thanh Hải	05/3/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	TPHCM	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269256	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1018	19.7.2014	
1019	Trương Anh Hào	01/3/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269257	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1019	19.7.2014	
1020	Đỗ Thị Hương	15/10/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Khá	Chính quy	B 269258	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1020	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1021	Phương Hồng Lạc	31/8/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269259	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1021	19.7.2014	
1022	Nguyễn Thị Khánh Ly	29/4/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Khá	Chính quy	B 269260	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1022	19.7.2014	
1023	Thạch Thị Khánh Ngân	16/02/1991	Nữ	Khơme	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Khá	Chính quy	B 269261	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1023	19.7.2014	
1024	Huỳnh Kim Ngữ	1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269262	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1024	19.7.2014	
1025	Nguyễn Trường Nhơn	08/12/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269263	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1025	19.7.2014	
1026	Lê Hồng Nhung	1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Khá	Chính quy	B 269264	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1026	19.7.2014	
1027	Huỳnh Mộng Noe	24/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269265	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1027	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1028	Đỗ Thành Phước	19/7/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269266	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1028	19.7.2014	
1029	Đoàn Hoàng Qui	02/8/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269267	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1029	19.7.2014	
1030	Nguyễn Bá Công Tài	30/8/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Giỏi	Chính quy	B 269268	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1030	19.7.2014	
1031	Lê Minh Tân	09/5/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Khá	Chính quy	B 269269	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1031	19.7.2014	
1032	Châu Minh Trí	24/7/1992	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Khá	Chính quy	B 269270	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1032	19.7.2014	
1033	Lý Thị Mai Uyên	28/7/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Khá	Chính quy	B 269271	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1033	19.7.2014	
1034	Nguyễn Phương Vũ	21/11/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Khá	Chính quy	B 269272	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1034	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1035	Võ Văn Xanh	14/5/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2012 - 2014	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269273	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1035	19.7.2014	
1036	Nguyễn Thanh Toàn	26/4/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	2011 - 2013	2014	Tin học ứng dụng liên thông	Trung bình	Chính quy	B 269274	Số 1461/QĐ-CDCT, ngày 21/7/2014	1036	19.7.2014	
1037	Ngụy Thị Huế Hương	1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 269275	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1037	19.7.2014	
1038	Huỳnh Anh Kiệt	17/10/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 269276	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1038	19.7.2014	
1039	Huỳnh Thị Ngọc Yến	19/5/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	An Giang	2011 - 2014	2014	Kế toán	Khá	Chính quy	B 269277	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1039	19.7.2014	
1040	Võ Minh Triều	19/7/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2011 - 2014	2014	Quản trị kinh doanh	Khá	Chính quy	B 269278	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1040	19.7.2014	
1041	Tạ Tuyết Minh	16/10/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2009 - 2012	2014	Tài chính ngân hàng	TB Khá	Chính quy	B 269279	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1041	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1042	Huỳnh Thị Bé Đệ	16/02/1988	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2009 - 2012	2014	Quản trị kinh doanh	TB Khá	Chính quy	B 269280	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1042	19.7.2014	
1043	Huỳnh Kim Đỉnh	16/4/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bạc Liêu	2009 - 2012	2014	Quản trị kinh doanh	TB Khá	Chính quy	B 269281	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1043	19.7.2014	
1044	Nguyễn Thị Huỳnh Liên	03/7/1991	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2009 - 2012	2014	Quản trị kinh doanh	TB Khá	Chính quy	B 269282	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1044	19.7.2014	
1045	Nguyễn Thanh Đà	02/10/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2009 - 2012	2014	Quản trị kinh doanh	TB Khá	Chính quy	B 269283	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1045	19.7.2014	
1046	Trương Thúy Phượng	10/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 269284	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1046	19.7.2014	
1047	Lý Thị Ái Vân	12/12/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	Việt Nam học	Khá	Chính quy	B 269285	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1047	19.7.2014	
1048	Liêu Thị Thảo Nguyên	28/3/1993	Nữ	Khmer	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Sư phạm Toán Tin	Trung bình	Chính quy	B 269286	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1048	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1049	Diệp Thị Ngọc Oanh	20/02/1992	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 269287	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1049	19.7.2014	
1050	Nguyễn Dương Quyên Quyên	12/7/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Côn Đảo	2011 - 2014	2014	Tiếng Anh	Khá	Chính quy	B 269288	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1050	19.7.2014	
1051	Đào Tấn Phong	28/12/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2007 - 2010	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269289	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1051	19.7.2014	
1052	Trần Hữu Ý Ý	17/05/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2008 - 2011	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269290	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1052	19.7.2014	
1053	Trần Anh Minh	08/01/1989	Nam	Kinh	Việt Nam	Sóc Trăng	2008 - 2011	2014	CNKT Xây dựng	TB Khá	Chính quy	B 269291	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1053	19.7.2014	
1054	Nguyễn Thành Thái	19/12/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2009 - 2012	2014	CNKT Xây dựng	TB Khá	Chính quy	B 269292	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1054	19.7.2014	
1055	Lê Phi Long	24/02/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2009 - 2012	2014	CNKT Xây dựng	TB Khá	Chính quy	B 269293	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1055	19.7.2014	

TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp văn bằng số	Ngày nhận, người nhận bằng (ký nhận, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1056	Lê Nhật Trường	17/11/1990	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2009 - 2012	2014	CNKT môi trường	TB Khá	Chính quy	B 269294	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1056	19.7.2014	
1057	Trịnh Chí Hải	25/6/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cà Mau	2011 - 2014	2014	QLTN môi trường	Khá	Chính quy	B 269295	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1057	19.7.2014	
1058	Võ Duy Thắng	07/12/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	2011 - 2014	2014	Tin học ứng dụng	Trung bình	Chính quy	B 269296	Số 1560/QĐ-CDCT, ngày 05/8/2014	1058	19.7.2014	